

Bản án số: 57/2020/HS-ST  
Ngày 20 - 11-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Văn Tư

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đăng Thanh và bà Hoàng Thị Thu Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huy Chính, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2020/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 16/10/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Phúc B**, sinh ngày: 10/5/1956; Nơi sinh: Phường X, thị xã X, tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký HKTT : Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Y, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh  
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đoàn thể, đảng phái: Quần chúng; Con ông: Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Anh, chị, em ruột: Có 10 người, bị cáo là con thứ 4; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 hiện trú tại: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Con: có 05 đứa, đứa lớn nhất sinh năm 1982, đứa nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/7/2020 đến ngày 11/9/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh.(có mặt tại phiên tòa).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Ngọc H, sinh năm: 1984; địa chỉ: Khu tái định cư xã X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

3. Ông Lê Văn Th, sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
5. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)
6. Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
7. Ông Mai C, sinh năm: 1982; địa chỉ: Khu tái định cư xã X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
8. Bà Võ Thị Xuân M, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)
9. Ông Lê Văn N, sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)
10. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
11. Ông Dương Kim L, sinh năm: 1993; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)
12. Ông Nguyễn Thế A, sinh năm: 1977; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
13. Ông Lê Văn C, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)
14. Bà Nguyễn Thị Hà H, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
15. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1973; địa chỉ: phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)
16. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
17. Ông Lê Xuân P, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
18. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
19. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
20. Ông Phạm Văn Ph, sinh năm: 1995; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
21. Bà Lê Bích Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
22. Ông Nguyễn Đình V, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
23. Ông Lê Xuân Th, sinh năm: 1993; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)
24. Ông Đặng Xuân M, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

25. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn X, xã X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

26. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

27. Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

28. Ông Lê Văn T, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

29. Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm: 1995; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/11/2018 đến ngày 22/7/2020, tại nhà ở của mình ở tổ dân phố Y, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Phúc B đã cho 03 người ở thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vay tiền, với lãi suất cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể như sau:

#### **1. Đối với khoản vay của anh Lê Ngọc H**

+ Ngày 11/11/2018, Nguyễn Phúc B cho vợ chồng anh Lê Ngọc H, chị Lê Thị H, ở khu tái định cư X, thuộc phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm). Kể từ ngày 11/11/2018 đến ngày 11/02/2019, anh Lê Ngọc H đến trả tiền lãi trong 03 tháng (tháng 11,12/2018 và tháng 01/2019) cho Nguyễn Phúc B, với tổng số tiền là 5.400.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự là 20%/năm, thì số tiền lãi cao nhất mà anh Lê Ngọc H phải trả cho Nguyễn Phúc B trên số tiền vay 20.000.000 đồng sẽ là  $(20.000.000đ \times (20\% : 365) \times 90 \text{ ngày} = 986.301 \text{ đồng})$ . Như vậy, số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính là  $5.400.000đ - 986.301đ = 4.413.699 \text{ đồng}$ .

+ Ngày 11/02/2019, vợ chồng anh Lê Ngọc H tiếp tục vay thêm của Nguyễn Phúc B số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/năm; tổng dư nợ là 120.000.000 đồng. Ngày 11/4/2019, vợ chồng anh Lê Ngọc H trả cho Nguyễn Phúc B tiền lãi của tháng 02 và tháng 03/2019 (của số tiền gốc 120.000.000 đồng) với tổng số tiền là 21.600.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự là 20%/năm, thì số tiền lãi cao nhất mà vợ chồng anh Lê Ngọc H phải trả cho Nguyễn Phúc B trên số tiền vay 120.000.000 đồng sẽ là  $(120.000.000đ \times (20\% : 365) \times 60 \text{ ngày} = 3.945.205 \text{ đồng})$ . Như vậy, số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính là  $21.600.000đ - 3.945.205đ = 17.654.795 \text{ đồng}$ .

+ Ngày 11/4/2019, vợ chồng anh Lê Ngọc H trả cho Nguyễn Phúc B số tiền gốc là 35.000.000 đồng, số dư nợ còn lại là 85.000.000 đồng. Tại thời điểm này, Nguyễn Phúc B và vợ chồng anh Lê Ngọc H thỏa thuận mỗi tháng anh Hà phải trả số tiền lãi là 7.500.000 đồng/85.000.000 đồng tiền gốc (tương đương với lãi suất 107,3%/ năm). Từ ngày 11/5/2019 đến ngày 11/6/2020, vợ chồng anh Lê Ngọc H trả cho Nguyễn Phúc B 14 tháng (420 ngày) tiền lãi, với tổng số tiền là 105.000.000 đồng, trong đó đã trả tiền mặt là 72.500.000 đồng, còn lại 32.500.000 đồng Nguyễn Phúc B ký xác nhận nợ tiền lãi đối với vợ chồng anh Lê Ngọc H.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự là 20%/năm, thì số tiền lãi cao nhất mà vợ chồng anh Lê Ngọc H phải trả cho Nguyễn Phúc B trên số tiền vay 85.000.000 đồng sẽ là  $(85.000.000đ \times (20\% : 365) \times 420 \text{ ngày} = 19.561.643 \text{ đồng}$ . Như vậy, số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính là  $105.000.000đ - 19.561.643đ = 85.438.357 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính đối với các khoản vay của vợ chồng anh Lê Ngọc H là  $4.413.699 \text{ đồng} + 17.654.795 \text{ đồng} + 85.438.357 \text{ đồng} = 107.506.851 \text{ đồng}$ .

## 2. Đối với khoản vay của Lê Văn Th

Ngày 09/02/2020, Nguyễn Phúc B cho anh Lê Văn Th, sinh năm 1972, ở tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/ năm. Từ ngày 09/02/2020 đến 09/7/2020, anh Lê Văn Th đã trả cho Nguyễn Phúc B 05 tháng (150 ngày) tiền lãi, với tổng số tiền là 4.500.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự là 20%/năm, thì số tiền lãi cao nhất mà anh Lê Văn Th phải trả cho Nguyễn Phúc B trên số tiền vay 10.000.000 đồng sẽ là  $(10.000.000đ \times (20\% : 365) \times 150 \text{ ngày} = 821.917 \text{ đồng}$ . Như vậy, số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính là  $4.500.000đ - 821.917đ = 3.678.083 \text{ đồng}$ .

## 3. Đối với khoản vay của Nguyễn Xuân V

Ngày 27/5/2020, Nguyễn Phúc B cho anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1988, ở tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/ năm. Từ ngày 27/5/2020 đến 27/6/2020, anh Nguyễn Xuân V đã trả cho Nguyễn Phúc B 01 tháng (30 ngày) tiền lãi, với số tiền là 1.800.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự là 20%/năm, thì số tiền lãi cao nhất mà anh Lê Văn Th phải trả cho Nguyễn Phúc B trên số tiền vay 20.000.000 đồng sẽ là  $(20.000.000đ \times (20\% : 365) \times 30 \text{ ngày} = 328.767 \text{ đồng}$ . Như vậy, số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính là  $1.800.000đ - 328.767đ = 1.471.233 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng đối với Lê Ngọc H, Lê Văn Th và Nguyễn Xuân V là 112.656.167 đồng.

Ngày 22/7/2020, anh Lê Ngọc H đưa tiền đến nhà trả tiền lãi vay tháng 7 năm 2020 cho Nguyễn Phúc B, trong khi Nguyễn Phúc B chưa kịp nhận tiền thì bị Công an thị xã Kỳ Anh bắt quả tang.

*Vật chứng vụ án:* Cơ quan điều tra Công an thị xã Kỳ Anh đã thu giữ các vật chứng bao gồm: Tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành số tiền 25.850.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen tím, số IMEI1: 358465091709751, số IMEI2: 358466091709759; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Forme, số IMEI 358281071773023; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 356005085917226; 01 cuốn vở dạng ô li học sinh, ngoài bìa có đề chữ “Trường Tiểu học Y 1”; 01 quyển sổ màu đỏ rằn đen, kích thước (17,5x24,5)cm, bên trong thể hiện một số nội dung liên quan đến việc cho vay tiền; 01 tờ giấy A4 đề giấy biên nhận ghi ngày 11/10/2019, nội dung biên nhận tiền giữa bên giao Nguyễn Phúc B bên nhận Lê Thị H, giao nhận số tiền 85.000.000 đồng, mặt sau tờ giấy hai lần ghi nội dung Lê Ngọc H chốt tiền lãi vào ngày 24/01/2020 và tháng 6/2020; 02 tờ giấy A4 thể hiện nội dung hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2019 giữa Lê Thị H vay của Nguyễn Phúc B số tiền 85.000.000 đồng. Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen tím, số IMEI1: 358465091709751, số IMEI2: 358466091709759; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Forme, số IMEI 358281071773023 là của chị Nguyễn Thị Hồng N không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu. Tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành số tiền 25.850.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI: 356005085917226 đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh chờ xử lý. Các vật chứng còn lại được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 48/CT-VKSTXKA ngày 25/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh đã truy tố bị cáo Nguyễn Phúc B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc B số tiền từ 200 - 250 triệu đồng;

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 112.656.167 đồng tiền lãi vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo B đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị tuyên trả lại, cụ thể: trả lại cho Lê Ngọc H 107.506.851 đồng – 32.500.000 đồng( số tiền này Lê Ngọc H chưa trả cho bị cáo mà chỉ mới viết giấy nhận nợ) = 75.006.000 đồng, trả lại cho Lê Văn Th 3.678.083 đồng, trả lại cho Nguyễn Xuân V 1.471.233 đồng. Đối với số tiền gốc của bị cáo B hiện đã thu về và số tiền gốc mà những người vay đang chiếm giữ, đây là phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu tại bị cáo B và tịch thu tại những người vay đang chiếm giữ nộp vào ngân sách Nhà nước; Đối với số tiền lãi 24.337.500đ mà bị cáo thu của Lê Ngọc H, Lê Văn Th, Nguyễn Xuân V không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nhưng đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội nên đề

ngihtịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 25.850.000 đồng thu tại nhà Nguyễn Phúc B (Trong đó: 18.350.000 đồng qua điều tra thấy rằng số tiền này bị cáo dùng để chi tiêu cho gia đình không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần phải tạm giữ để đảm bảo thi hành án, còn số tiền 7.500.000 đồng do Lê Ngọc H đến trả cho Nguyễn Phúc B bị bắt quả tang nên trả lại cho Lê Ngọc H).

- Đề nghị tịch thu bán nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 354496090614464 là công cụ phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Đề nghị tịch lưu giữ hồ sơ vụ án các vật chứng kèm theo hồ sơ vụ án gồm: 01 cuốn vở dạng ô li học sinh, ngoài bìa có đề chữ “Trường Tiểu học Y 1”; 01 quyển sổ màu đỏ rằn đen, kích thước (17,5x24,5)cm, bên trong thể hiện một số nội dung liên quan đến việc cho vay tiền; 01 tờ giấy A4 đề giấy biên nhận ghi ngày 11/10/2019, nội dung biên nhận tiền giữa bên giao Nguyễn Phúc B bên nhận Lê Thị H, giao nhận số tiền 85.000.000 đồng, mặt sau tờ giấy hai lần ghi nội dung Lê Ngọc H chót tiền lãi vào ngày 24/01/2020 và tháng 6/2020; 02 tờ giấy A4 thể hiện nội dung hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2019 giữa Lê Thị H vay của Nguyễn Phúc B số tiền 85.000.000 đồng;

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phúc B hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, trong phần lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt phù hợp vì bị cáo tuổi đã cao, bản thân hiện đang mắc bệnh suy tim, viêm túi mật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Kỳ Anh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2]. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/11/2018 đến ngày 22/7/2020, tại nhà ở của mình ở tổ dân phố Y, phường Y, thị xã Kỳ

Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Phúc B đã cho vợ chồng anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị H, ở khu tái định cư X, thuộc phường X, thị xã Kỳ Anh vay tổng số tiền 120.000.000đ, với lãi suất từ 107,3%/năm đến 109,5%/năm (cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định trong Bộ luật dân sự) thu lợi bất chính 107.506.851 đồng. Đồng thời trong khoảng thời gian này, Nguyễn Phúc B còn cho anh Lê Văn Th, ở tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 109,5%/năm, thu lợi bất chính 3.678.083 đồng và cho anh Nguyễn Xuân V, ở tổ dân phố X, phường Y, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vay 20.000.000 đồng, với lãi suất 109,5%/năm, thu lợi bất chính 1.471.233 đồng; tuy hành vi cho anh Lê Văn Th và anh Nguyễn Xuân V vay tiền không cấu thành tội phạm, nhưng số tiền thu lợi bất chính được tính vào tổng số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tổng cộng số tiền Nguyễn Phúc B thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng đối với vợ chồng anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị H; anh Lê Văn Th và anh Nguyễn Xuân V là 112.656.167 đồng.

[3]. Xét lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở xác định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Phúc B cho người khác vay tiền với lãi suất 107,3%/năm – 109,5%/năm, cao hơn gấp 5 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, số tiền thu lợi bất chính trong việc cho vay lãi nặng là 112.565.167 đồng.

Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng số 38/CT –VKSTXKA ngày 22/8/2019, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không oan sai.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Phúc B có nhân thân tốt, tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, làm cho những người vay tiền của bị cáo lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nên cần phải được xử lý nghiêm. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo hiện tuổi đã cao, lại có tiền sử bệnh suy tim, viêm túi mật, tăng huyết áp nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà chuyển sang phần hình phạt tiền sung vào ngân sách Nhà nước cũng đủ giáo dục, răn đe để bị cáo nhận thức được hành

vi phạm tội của mình và có ý thức tu dưỡng để trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy vì đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc Nguyễn Phúc B cho vợ chồng Lê Ngọc H và Lê Thị H, Lê Văn Th, Nguyễn Xuân V vay tổng cộng 150.000.000 đồng là phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; Cụ thể: Vợ chồng Lê Ngọc H và Lê Thị H đã trả 35.000.000 đồng tiền gốc cho Nguyễn Phúc B nên tịch thu tại Nguyễn Phúc B số tiền gốc 35.000.000 đồng. Vợ chồng Lê Ngọc H và Lê Thị H hiện còn vay của bị cáo Nguyễn Phúc B 85.000.000 đồng tiền gốc chưa trả nên cần tịch thu tại vợ chồng Lê Ngọc H và Lê Thị H 85.000.000 đồng, Lê Văn Th vay của bị cáo Nguyễn Phúc B 10.000.000 đồng tiền gốc nay đã trả cho Nguyễn Phúc B nên cần tịch thu tại Nguyễn Phúc B 10.000.000 đồng, Nguyễn Xuân V vay của bị cáo Nguyễn Phúc B 20.000.000 đồng tiền gốc trả 10.000.000 đồng nên cần tịch thu tại Nguyễn Xuân V 10.000.000 đồng và tịch thu tại Nguyễn Phúc B 10.000.000 đồng

- Đối với khoản tiền lãi 112.656.167 đồng mà bị cáo B đã thu của 03 cá nhân vay vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Phần thỏa thuận về lãi suất này của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có hiệu lực, qua điều tra những người vay tiền của Nguyễn Phúc B mục đích về đầu tư làm ăn chân chính, không sử dụng vào làm ăn phi pháp nên trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền trên, cụ thể: Trả lại cho vợ chồng Lê Ngọc H và Lê Thị H 107.506.851 đồng – 32.500.000 đồng( số tiền này Lê Ngọc H chưa trả cho bị cáo mà chỉ mới viết giấy nhận nợ) = 75.006.000 đồng, trả lại cho Lê Văn Th 3.678.083 theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, nên khấu trừ trong số tiền gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn chiếm giữ chưa trả cho bị cáo Nguyễn Phúc B để đảm bảo thi hành án.

- Đối với khoản tiền lãi 24.337.500 đồng mà bị cáo thu của Lê Ngọc H, Lê Văn Th, Nguyễn Xuân V không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội của bị cáo nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9]. Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 25.850.000 đồng thu tại nhà của bị cáo Nguyễn Phúc B (Trong đó: 18.350.000 đồng qua điều tra thấy rằng số tiền này bị cáo dùng để chi tiêu cho gia đình không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần phải tạm giữ để đảm bảo thi hành án, còn số tiền 7.500.000 đồng do Lê Ngọc H đến trả bị bắt quả tang nên trả lại cho Lê Ngọc H).



- Tịch thu bán nộp ngân sách Nhà nước: ; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 354496090614464 là công cụ phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch lưu giữ hồ sơ vụ án các chứng cứ, tài liệu kèm theo hồ sơ vụ án gồm: 01 cuốn vở dạng ô li học sinh, ngoài bìa có đề chữ “Trường Tiểu học Y 1”; 01 quyển sổ màu đỏ rằn đen, kích thước (17,5x24,5)cm, bên trong thể hiện một số nội dung liên quan đến việc cho vay tiền; 01 tờ giấy A4 đề giấy biên nhận ghi ngày 11/10/2019, nội dung biên nhận tiền giữa bên giao Nguyễn Phúc B bên nhận Lê Thị H, giao nhận số tiền 85.000.000 đồng, mặt sau tờ giấy hai lần ghi nội dung Lê Ngọc H chót tiền lãi vào ngày 24/01/2020 và tháng 6/2020; 02 tờ giấy A4 thể hiện nội dung hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2019 giữa Lê Thị H vay của Nguyễn Phúc B số tiền 85.000.000 đồng;

[10] .Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự,

Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 1 điểm a,b khoản 2, điểm a,b khoản 3 Điều 106, Điều 299, Điều 326, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

#### **1.Về tội danh:**

Tuyên bố Nguyễn Phúc B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

#### **2.Về hình phạt:**

Xử phạt: Nguyễn Phúc B số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

#### **3.Về biện pháp tư pháp:**

- Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước tại Nguyễn Phúc B số tiền 79.337.500 đồng(trong đó: số tiền dùng vào việc phạm tội là 55.000.000 đồng, số tiền phát sinh từ tội phạm là 24.337.500 đồng).

- Truy thu tại Nguyễn Phúc B số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội số tiền 112.656.167 đồng – 32.500.000 đồng( mới ghi giấy nhận nợ) = 80.156.167 đồng để trả lại cho 03 người vay.

- Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước tại Lê Ngọc H và Lê Thị H số tiền gốc mà bị cáo Nguyễn Phúc B cho vay nhưng chưa trả là 85.000.000 đồng

- Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước tại Nguyễn Xuân V số tiền gốc mà bị cáo Nguyễn Phúc B cho vay nhưng chưa trả là 10.000.000 đồng.

- Trả lại cho người vay Lê Ngọc H và Lê Thị H số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 75.006.000 đồng.

- Trả lại cho người vay Lê Văn Th số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 3.678.083 đồng.

- Trả lại cho người vay Nguyễn Xuân V số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 1.471.233 đồng.

#### **4. Về xử lý vật chứng:**

- Tịch thu bán nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 354496090614464 là công cụ phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch lưu giữ hồ sơ vụ án các chứng cứ, tài liệu kèm theo hồ sơ vụ án gồm: 01 cuốn vở dạng ô li học sinh, ngoài bìa có đề chữ “Trường Tiểu học Y 1”; 01 quyển sổ màu đỏ rằn đen, kích thước (17,5x24,5)cm, bên trong thể hiện một số nội dung liên quan đến việc cho vay tiền; 01 tờ giấy A4 đề giấy biên nhận ghi ngày 11/10/2019, nội dung biên nhận tiền giữa bên giao Nguyễn Phúc B bên nhận Lê Thị H, giao nhận số tiền 85.000.000 đồng, mặt sau tờ giấy hai lần ghi nội dung Lê Ngọc H chót tiền lãi vào ngày 24/01/2020 và tháng 6/2020; 02 tờ giấy A4 thể hiện nội dung hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2019 giữa Lê Thị H vay của Nguyễn Phúc B số tiền 85.000.000 đồng

- Tạm giữ số tiền 18.350.000 đồng thu tại nhà bị cáo Nguyễn Phúc B để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 7.500.000 đồng tuyên trả cho Lê Ngọc H để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2019 giữa Công an thị xã Kỳ Anh và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh).

**5. Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Phúc B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

**6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Công an thị xã Kỳ Anh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- UBND phường Y, TX Kỳ Anh
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Văn Tư**